TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 591/2018/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 21 năm 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự số 1042/2018/TLST-VHNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Người yêu cầu 01: Bà Phạm Thùy D, sinh năm 1996.

Địa chỉ: tổ 25, khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người yêu cầu 02: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ 34, khu phố 4, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Phạm Thùy D và ông Nguyễn Thành T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thùy D và ông Nguyễn Thành T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giữa bà D và ông T có một người con chung tên:

- Nguyễn Phạm Băng T1, sinh ngày 24/7/2014.

Giao cháu T1 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động.

Bà D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí: Bà D và ông T mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 006927 ngày 27 tháng 4 năm 2018, bà D và ông Tđã nộp đủ tiền lệ phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP.B;
- THA DS TP.B
- UBND P. B1.
TP.B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Minh